

Số: 90 /TB-TTPTQĐ

Quảng Trạch, ngày 12 tháng 11 năm 2019

## THÔNG BÁO

### Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2019 của UBND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 40 thửa đất ở tại khu quy hoạch khu vực thôn tú Loan 1, 2, 3 xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2019 của UBND huyện Quảng Trạch về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với 40 thửa đất ở tại khu quy hoạch khu vực thôn tú Loan 1, 2, 3 xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 2715/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2019 của UBND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt giá khởi điểm đối với 40 lô (thửa) đất ở tại khu quy hoạch đất ở và đất thương mại dịch vụ khu vực thôn Tú Loan 1,2,3, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình để đấu giá quyền sử dụng đất,

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quảng Trạch thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản với các nội dung như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:

a) Tên đơn vị: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quảng Trạch.

b) Địa chỉ: Tầng 2, Trụ sở Chính quyền huyện Quảng Trạch, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng và giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

a) Tên tài sản: Là quyền sử dụng đất ở đối với 40 thửa đất ở tại khu quy hoạch khu vực thôn tú Loan 1, 2, 3 xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

b) Số lượng, chất lượng và giá khởi điểm của tài sản đấu giá (có Phụ lục chi tiết kèm theo).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản và các tiêu chí khác do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quảng Trạch quyết định. Cụ thể như sau:

a) Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá: Có Trụ sở, địa chỉ rõ ràng; có trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với tài sản là quyền sử dụng đất ở, Bao gồm: 02 máy tính xách tay, 02 máy in, 01 máy photocopy, 01 máy chiếu....(Có hóa đơn, chứng từ và tài liệu để chứng minh).

b) Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng và có đề xuất cụ thể các công việc do đơn vị thực hiện).

c) Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản:

- Tổ chức đấu giá tài sản được thành lập theo đúng quy định của pháp luật (Bản sao chứng thực đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập);

- Có tối thiểu 02 đấu giá viên (Bản sao chứng thực: Chứng chỉ hành nghề đấu giá, Thẻ đấu giá viên, Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, Bảng kê đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội tại đơn vị và hợp đồng lao động để chứng minh);

- Có tối thiểu 10 hợp đồng đấu giá QSD đất từ năm 2017 đến nay (có bản sao chứng thực các hợp đồng và Báo cáo kết quả đấu giá tài sản sau phiên đấu giá để chứng minh). Mỗi hợp đồng phải đảm bảo tổng giá khởi điểm của các thửa đất có giá trị từ 35 tỷ đồng trở lên.

d) Thủ lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp theo quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản.

đ) Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

e) Cam kết bảo mật thông tin về người đăng ký tham gia đấu giá và thực hiện đúng trình tự, thủ tục về đấu giá tài sản.

4. Số lượng, thành phần hồ sơ, thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

a) Số lượng, thành phần hồ sơ đăng ký tham gia: 01 (một) bộ hồ sơ bản gốc được đóng thành tập theo thứ tự gồm có: Đơn xin đăng ký tham gia tổ chức đấu giá (có đề xuất mức thù lao dịch vụ đấu giá); Bản mô tả giới thiệu năng lực, kinh nghiệm, uy tín của tổ chức đấu giá tài sản; Các giấy tờ theo thứ tự được quy định tại điểm c, a, b, đ, e, Mục 3 của Thông Báo này. Hồ sơ phải được niêm phong.

b) Thời gian nộp hồ sơ: Trong giờ hành chính, kể từ lúc 08 giờ 00 phút, ngày 14/11/2019 đến 16 giờ 30 phút, ngày 20/11/2019.

c) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quảng Trạch; địa chỉ: Tầng 2, Trụ sở Chính quyền huyện Quảng Trạch, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; số điện thoại: 0232.3516333.

**Lưu ý:** Hồ sơ đăng ký được gửi trực tiếp, không qua đường bưu điện hoặc trung gian. Người đến nhận hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Giấy tờ tùy thân (Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu). Không hoàn trả hồ sơ đối với các tổ chức không được lựa chọn.

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết để đăng ký theo quy định. /.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo UBND huyện (để b/c);
- Các phòng: TN&MT, TC-KH, Tư Pháp;
- Trang TT điện tử huyện Quảng Trạch;
- Lưu: VT.



Hoàng Thanh Phương



**PHỤ LỤC**  
**40 THỪA ĐẤT Ở TẠI KHU QUY HOẠCH ĐẤT Ở VÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHU VỰC THÔN TỬ LÒAN 1, 2, 3 XÃ QUẢNG HƯNG, HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

(Kèm theo Thông Báo số: 90/TB-TTPTQĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 của TTPTQĐ huyện Quảng Trạch)

TT	Kí hiệu lô đất	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá khởi điểm (đồng)	Ghi chú
1	Các thửa đất hướng Tây đường gom quy hoạch rộng 20m						
1	LK1.1	79	62	ONT	265,0	795.000.000	
2	LK1.2	115	71	ONT	265,0	795.000.000	
3	LK1.3	116	71	ONT	265,0	795.000.000	
4	LK1.4	117	71	ONT	265,0	795.000.000	
5	LK1.5	118	71	ONT	265,0	795.000.000	
6	LK1.6	119	71	ONT	265,0	795.000.000	
7	LK1.7	120	71	ONT	265,0	795.000.000	
8	LK1.8	121	71	ONT	265,0	795.000.000	
9	LK1.9	122	71	ONT	265,0	795.000.000	
10	LK1.10	123	71	ONT	265,0	795.000.000	
11	LK1.11	124	71	ONT	265,0	795.000.000	
12	LK1.12	125	71	ONT	265,0	795.000.000	
13	LK1.13	126	71	ONT	373,1	1.119.390.000	2 mặt tiền
14	LK2.1	128	71	ONT	277,8	833.250.000	2 mặt tiền
15	LK2.2	129	71	ONT	265,0	795.000.000	
16	LK2.3	130	71	ONT	265,0	795.000.000	
17	LK2.4	131	71	ONT	265,0	795.000.000	
18	LK2.5	132	71	ONT	265,0	795.000.000	
19	LK2.6	133	71	ONT	265,0	795.000.000	
20	LK2.7	134	71	ONT	265,0	795.000.000	

TT	Kí hiệu lô đất	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá khởi điểm (đồng)	Ghi chú
21	LK2.8	135	71	ONT	265,0	795.000.000	
22	LK2.9	136	71	ONT	265,0	795.000.000	
23	LK2.10	137	71	ONT	265,0	795.000.000	
24	LK2.11	138	71	ONT	265,0	795.000.000	
25	LK2.12	139	71	ONT	265,0	795.000.000	
26	LK2.13	140	71	ONT	265,0	795.000.000	
27	LK2.14	141	71	ONT	265,0	795.000.000	
28	LK2.15	142	71	ONT	265,0	795.000.000	
29	LK2.16	143	71	ONT	265,0	795.000.000	
30	LK2.17	144	71	ONT	265,0	795.000.000	
31	LK2.18	145	71	ONT	265,0	795.000.000	
32	LK2.19	146	71	ONT	265,0	795.000.000	
33	LK2.20	147	71	ONT	265,0	795.000.000	
34	LK2.21	148	71	ONT	282,2	846.600.000	2 mặt tiền
35	LK3.1	150	71	ONT	585,5	1.756.500.000	2 mặt tiền
36	LK3.2	151	71	ONT	530,0	1.590.000.000	
37	LK3.3	152	71	ONT	530,0	1.590.000.000	
38	LK3.4	153	71	ONT	530,0	1.590.000.000	
39	LK3.5	154	71	ONT	530,0	1.590.000.000	
40	LK3.6	155	71	ONT	653,1	1.959.300.000	
<b>Tổng cộng: 40 thửa đất ở</b>					<b>12.506,7</b>	<b>37.520.040.000</b>	